

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HÀ GIANG - VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2019



MỤC LỤC

HỌI ĐỒNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN CHỨC SỬA ĐỔI	2 - 4
BÁO CÁO SỬA ĐỔI	5 - 6
BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬA ĐỔI CÔNG SỬA ĐỔI	
Bảng cân đối kế toán	13 - 14
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	15
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	16
Báo cáo thanh toán tiền thuế và lãi vay	17 - 18

BÀI GIẢNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Hùng Anh - Hùng Anh tạo ra các phần mềm "Chuyên" để hỗ trợ các anh chị em trong việc học tiếng Anh và các môn khác. Mọi thắc mắc xin liên hệ Ban Tổng Giám đốc.

Khái quát

Công ty Cổ phần Công nghệ Hùng Anh - Hùng Anh được thành lập để chuyên sản xuất các công nghệ và phần mềm để hỗ trợ các anh chị em trong việc học tiếng Anh và các môn khác. Mọi thắc mắc xin liên hệ Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Hùng Anh - Hùng Anh.

Địa chỉ: 123 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh - Việt Nam

Ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Công nghệ Hùng Anh

- 1. Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm công nghệ và phần mềm để hỗ trợ các anh chị em trong việc học tiếng Anh và các môn khác. Mọi thắc mắc xin liên hệ Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Hùng Anh - Hùng Anh.
- 2. Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm công nghệ và phần mềm để hỗ trợ các anh chị em trong việc học tiếng Anh và các môn khác. Mọi thắc mắc xin liên hệ Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Hùng Anh - Hùng Anh.
- 3. Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm công nghệ và phần mềm để hỗ trợ các anh chị em trong việc học tiếng Anh và các môn khác. Mọi thắc mắc xin liên hệ Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Hùng Anh - Hùng Anh.
- 4. Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm công nghệ và phần mềm để hỗ trợ các anh chị em trong việc học tiếng Anh và các môn khác. Mọi thắc mắc xin liên hệ Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Hùng Anh - Hùng Anh.
- 5. Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm công nghệ và phần mềm để hỗ trợ các anh chị em trong việc học tiếng Anh và các môn khác. Mọi thắc mắc xin liên hệ Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Hùng Anh - Hùng Anh.
- 6. Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm công nghệ và phần mềm để hỗ trợ các anh chị em trong việc học tiếng Anh và các môn khác. Mọi thắc mắc xin liên hệ Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Hùng Anh - Hùng Anh.
- 7. Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm công nghệ và phần mềm để hỗ trợ các anh chị em trong việc học tiếng Anh và các môn khác. Mọi thắc mắc xin liên hệ Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Hùng Anh - Hùng Anh.
- 8. Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm công nghệ và phần mềm để hỗ trợ các anh chị em trong việc học tiếng Anh và các môn khác. Mọi thắc mắc xin liên hệ Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Hùng Anh - Hùng Anh.
- 9. Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm công nghệ và phần mềm để hỗ trợ các anh chị em trong việc học tiếng Anh và các môn khác. Mọi thắc mắc xin liên hệ Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Hùng Anh - Hùng Anh.
- 10. Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm công nghệ và phần mềm để hỗ trợ các anh chị em trong việc học tiếng Anh và các môn khác. Mọi thắc mắc xin liên hệ Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Hùng Anh - Hùng Anh.

12345678910

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (phụ lục)

Công ty TNHH Việt Minh cổ

- Cơ cấu Công ty Cổ phần Cổ Lợi tại Việt Nam - Việt Tin - Kiểm tra Việt Tin.

Đánh giá về Việt Tin, ngày 17/07/2014, Việt Tin, kiểm tra - Việt Tin.

- Cơ cấu Công ty Cổ phần Cổ Lợi tại Việt Nam - Việt Tin - Kiểm tra Việt Tin.

Đánh giá về Việt Tin, ngày 17/07/2014, Việt Tin, kiểm tra Việt Tin - Việt Tin.

- Cơ cấu Công ty Cổ phần Cổ Lợi tại Việt Nam - Việt Tin - Kiểm tra Việt Tin.

Đánh giá về Việt Tin, ngày 17/07/2014, Việt Tin, kiểm tra - Việt Tin.

- Cơ cấu Công ty Cổ phần Cổ Lợi tại Việt Nam - Việt Tin - Kiểm tra Việt Tin.

Đánh giá về Việt Tin, ngày 17/07/2014, Việt Tin, kiểm tra - Việt Tin.

- Cơ cấu Công ty Cổ phần Cổ Lợi tại Việt Nam - Việt Tin - Kiểm tra Việt Tin.

Đánh giá về Việt Tin, ngày 17/07/2014, Việt Tin, kiểm tra - Việt Tin.

- Cơ cấu Công ty Cổ phần Cổ Lợi tại Việt Nam - Việt Tin - Kiểm tra Việt Tin.

Đánh giá về Việt Tin, ngày 17/07/2014, Việt Tin, kiểm tra - Việt Tin.

- Cơ cấu Công ty Cổ phần Cổ Lợi tại Việt Nam - Việt Tin - Kiểm tra Việt Tin.

Đánh giá về Việt Tin, ngày 17/07/2014, Việt Tin, kiểm tra - Việt Tin.

- Cơ cấu Công ty Cổ phần Cổ Lợi tại Việt Nam - Việt Tin - Kiểm tra Việt Tin.

Đánh giá về Việt Tin, ngày 17/07/2014, Việt Tin, kiểm tra - Việt Tin.

- Cơ cấu Công ty Cổ phần Cổ Lợi tại Việt Nam - Việt Tin - Kiểm tra Việt Tin.

Đánh giá về Việt Tin, ngày 17/07/2014, Việt Tin, kiểm tra - Việt Tin.

- Cơ cấu Công ty Cổ phần Cổ Lợi tại Việt Nam - Việt Tin - Kiểm tra Việt Tin.

Đánh giá về Việt Tin, ngày 17/07/2014, Việt Tin, kiểm tra - Việt Tin.

- Cơ cấu Công ty Cổ phần Cổ Lợi tại Việt Nam - Việt Tin - Kiểm tra Việt Tin.

Đánh giá về Việt Tin, ngày 17/07/2014, Việt Tin, kiểm tra - Việt Tin.

Công ty TNHH Công ty Cổ phần Cổ Lợi tại Việt Nam cổ

Đánh giá về Việt Tin, ngày 17/07/2014, Việt Tin, kiểm tra - Việt Tin.

Hội đồng Quản trị Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Đánh giá về Việt Tin, ngày 17/07/2014, Việt Tin, kiểm tra - Việt Tin.

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Việt	05/000
Ông Trần Văn Việt	05/000
Ông Trần Văn Việt	05/000
Ông Trần Văn Việt	05/000
Ông Trần Văn Việt	05/000
Ông Trần Văn Việt	05/000
Ông Trần Văn Việt	05/000
Ông Trần Văn Việt	05/000

Ban Giám đốc

Ông Trần Văn Việt	Hội đồng Quản trị
Ông Trần Văn Việt	05/000
Ông Trần Văn Việt	05/000

BIÊN BẢN CỦA BAN TỔNG QUẢN LÝ CÔNG TY

Thông tin chung

Họ và Tên: Ông Nguyễn Văn A	Chức vụ: Giám đốc
Họ và Tên: Ông Nguyễn Văn B	Chức vụ: Giám đốc
Họ và Tên: Ông Nguyễn Văn C	Chức vụ: Giám đốc
Họ và Tên: Ông Nguyễn Văn D	Chức vụ: Giám đốc

Biên bản họp

Ngày: 15/05/2024, Từ 08h00 đến 10h00 sáng tại Văn phòng Công ty (Số 123 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM).

Thành phần tham dự và Ban Tổng Quản Lý Công ty (Ban Tổng Quản Lý)

Ban Tổng Quản Lý Công ty (Ban Tổng Quản Lý) đã họp để thảo luận và quyết định về việc triển khai dự án mới. Các thành viên tham dự bao gồm: Ông Nguyễn Văn A, Ông Nguyễn Văn B, Ông Nguyễn Văn C, Ông Nguyễn Văn D.

- Đã thông qua kế hoạch triển khai dự án mới.
- Đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- Đã quyết định ngân sách cho dự án.
- Đã quyết định thời gian hoàn thành dự án.

Ban Tổng Quản Lý Công ty (Ban Tổng Quản Lý) đã đồng ý và ký duyệt kế hoạch triển khai dự án mới. Các thành viên tham dự đã đồng ý và ký duyệt kế hoạch triển khai dự án mới.

Ban Tổng Quản Lý Công ty (Ban Tổng Quản Lý) đã đồng ý và ký duyệt kế hoạch triển khai dự án mới. Các thành viên tham dự đã đồng ý và ký duyệt kế hoạch triển khai dự án mới.

Thay mặt Ban Tổng Quản Lý



Ông Nguyễn Văn A
Giám đốc

Văn phòng Công ty, ngày 15 tháng 05 năm 2024





Mã: 100-ACCPC/20

BẢO CÁO KIỂM TOÁN

VIỆC ĐẠT CHỨNG CHỈ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn và Chứng chỉ Quản lý Chất lượng

Kiểm toán: Văn phòng Kiểm toán của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn và Chứng chỉ Quản lý Chất lượng
Địa chỉ: Văn phòng Kiểm toán của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn và Chứng chỉ Quản lý Chất lượng

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn và Chứng chỉ Quản lý Chất lượng (Công ty) đã được kiểm toán bởi Văn phòng Kiểm toán của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn và Chứng chỉ Quản lý Chất lượng (Văn phòng Kiểm toán) vào ngày 21 tháng 12 năm 2024. Văn phòng Kiểm toán đã tiến hành kiểm toán để xác định xem Công ty có tuân thủ các yêu cầu của Hệ thống Tiêu chuẩn Quốc tế về Chứng chỉ Quản lý Chất lượng (ISO 9001:2015) hay không. Văn phòng Kiểm toán đã tiến hành kiểm toán dựa trên các tài liệu và thông tin mà Công ty đã cung cấp.

Văn phòng Kiểm toán đã tiến hành kiểm toán dựa trên các tài liệu và thông tin mà Công ty đã cung cấp. Văn phòng Kiểm toán đã tiến hành kiểm toán dựa trên các tài liệu và thông tin mà Công ty đã cung cấp. Văn phòng Kiểm toán đã tiến hành kiểm toán dựa trên các tài liệu và thông tin mà Công ty đã cung cấp.

Đánh giá

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn và Chứng chỉ Quản lý Chất lượng (Công ty) đã được kiểm toán bởi Văn phòng Kiểm toán của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn và Chứng chỉ Quản lý Chất lượng (Văn phòng Kiểm toán) vào ngày 21 tháng 12 năm 2024. Văn phòng Kiểm toán đã tiến hành kiểm toán để xác định xem Công ty có tuân thủ các yêu cầu của Hệ thống Tiêu chuẩn Quốc tế về Chứng chỉ Quản lý Chất lượng (ISO 9001:2015) hay không. Văn phòng Kiểm toán đã tiến hành kiểm toán dựa trên các tài liệu và thông tin mà Công ty đã cung cấp. Văn phòng Kiểm toán đã tiến hành kiểm toán dựa trên các tài liệu và thông tin mà Công ty đã cung cấp. Văn phòng Kiểm toán đã tiến hành kiểm toán dựa trên các tài liệu và thông tin mà Công ty đã cung cấp.

Đánh giá và khuyến nghị

Vào ngày 21/12/2024, Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn và Chứng chỉ Quản lý Chất lượng (Công ty) đã được kiểm toán bởi Văn phòng Kiểm toán của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn và Chứng chỉ Quản lý Chất lượng (Văn phòng Kiểm toán) vào ngày 21 tháng 12 năm 2024. Văn phòng Kiểm toán đã tiến hành kiểm toán để xác định xem Công ty có tuân thủ các yêu cầu của Hệ thống Tiêu chuẩn Quốc tế về Chứng chỉ Quản lý Chất lượng (ISO 9001:2015) hay không. Văn phòng Kiểm toán đã tiến hành kiểm toán dựa trên các tài liệu và thông tin mà Công ty đã cung cấp. Văn phòng Kiểm toán đã tiến hành kiểm toán dựa trên các tài liệu và thông tin mà Công ty đã cung cấp.

Ngay sau khi được kiểm toán, Văn phòng Kiểm toán của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn và Chứng chỉ Quản lý Chất lượng (Văn phòng Kiểm toán) đã tiến hành kiểm toán để xác định xem Công ty có tuân thủ các yêu cầu của Hệ thống Tiêu chuẩn Quốc tế về Chứng chỉ Quản lý Chất lượng (ISO 9001:2015) hay không. Văn phòng Kiểm toán đã tiến hành kiểm toán dựa trên các tài liệu và thông tin mà Công ty đã cung cấp. Văn phòng Kiểm toán đã tiến hành kiểm toán dựa trên các tài liệu và thông tin mà Công ty đã cung cấp. Văn phòng Kiểm toán đã tiến hành kiểm toán dựa trên các tài liệu và thông tin mà Công ty đã cung cấp.

Liên lạc với các bên liên quan

Tuyên bố này có hiệu lực kể từ ngày ký và chỉ có hiệu lực trong phạm vi nội dung nêu trên, trừ trường hợp được bổ sung các điều khoản khác hoặc sửa đổi nội dung. Công ty cổ phần Dịch vụ Bảo Vệ Hàng không ngày 19 tháng 02 năm 2018, chúng tôi thể hiện sự hợp tác chặt chẽ nhằm vì lợi ích chung của các bên liên quan. Chúng tôi tin rằng tài liệu đính kèm sẽ được công bố kịp thời và đầy đủ, phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

Ông Nguyễn Văn Tuấn
Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo Vệ Hàng không



Ông Nguyễn Văn Tuấn
Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo Vệ Hàng không

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2018

Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Văn Tuấn
Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo Vệ Hàng không

BẢNG CÂN ĐÓNG KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	ĐƠN VỊ	THÀNH PHẦN	ĐƠN VỊ ĐO LƯỜNG	ĐƠN GIÁ
A. TÀI SẢN NGUYÊN BÀN	100		42.000.000,00	42.000.000,00
I. Tài sản cố định không tang động sản	100	V.1	30.000.000,00	30.000.000,00
1. Tài sản	101		30.000.000,00	30.000.000,00
1. Tài sản không tang động sản	102		30.000.000,00	30.000.000,00
II. Tài sản không tang động sản	100		30.000.000,00	30.000.000,00
1. Máy móc thiết bị	101		20.000.000,00	20.000.000,00
1. Tài sản không tang động sản	102		20.000.000,00	20.000.000,00
1. Tài sản không tang động sản	103	V.1	20.000.000,00	20.000.000,00
1. Máy móc thiết bị không phải tài sản cố định	104		10.000.000,00	10.000.000,00
III. Hàng hóa tồn	100	V.1	10.000.000,00	10.000.000,00
1. Hàng hóa tồn	101		10.000.000,00	10.000.000,00
1. Nguyên liệu chế biến	102		-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	100		12.000.000,00	12.000.000,00
1. Thuế GTGT đầu vào	101		12.000.000,00	12.000.000,00
1. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	102		0,00	0,00
1. Tài sản ngắn hạn khác	103	V.1	0,00	0,00
B. TÀI SẢN DƯỚI ĐÓNG	200		18.000.000,00	18.000.000,00
I. Tài sản dưới đóng	200		18.000.000,00	18.000.000,00
1. Tài sản dưới đóng tài sản	201	V.1	18.000.000,00	18.000.000,00
- Nguyên liệu	202		18.000.000,00	18.000.000,00
- Nguyên liệu tồn kho	203		18.000.000,00	18.000.000,00
1. Tài sản dưới đóng tài sản khác	204	V.1	0,00	0,00
II. Tài sản dưới đóng tài sản khác	200	V.1	0,00	0,00
1. Tài sản dưới đóng tài sản	201		0,00	0,00
1. Tài sản dưới đóng tài sản	202	V.1	0,00	0,00
TỔNG TÀI SẢN	300		60.000.000,00	60.000.000,00

BỘ MÔN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT VẬT LIỆU

BẢNG CÂN GỒI KẾ TOÁN CHẬP ĐOÀN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

Tài khoản	Đơn vị	Đơn vị tính	2019/2019	2018/2018
A. TÀI SẢN	100		7.028.543.000	68.099.674.870
I. Tài sản ngắn hạn	100		4.427.443.870	37.056.347.480
1. Tiền và tương đương tiền	101	VND	4.176.073.000	1.000.000.000
2. Phải thu ngắn hạn	102		4.229.473.000	15.399.974.400
3. Nguyên vật liệu tồn kho	103		280.000.000	180.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	104	VND	280.000.000	1.386.373.000
5. Phải thu ngắn hạn khác	105		4.000.000	1.000.000.000
6. Chi phí ngắn hạn	106	VND	400.000.000	1.386.373.000
7. Các khoản phải thu, phải nộp khác	107	VND	21.000.000.000	15.788.344.000
8. Các khoản thanh toán khác	108		40.000.000	40.000.000
II. Tài sản dài hạn	100		2.601.099.130	11.043.327.390
1. Phải thu dài hạn	101		4.000.000.000	400.000.000
2. Tài sản cố định	102	VND	27.000.000.000	10.000.000.000
3. Các khoản chi dự kiến chi trả	103		270.000.000	287.000.000
4. Các khoản phải thu dài hạn	104		60.000.000	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		27.000.000.000	26.000.000.000
I. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	401	VND	27.000.000.000	26.000.000.000
1. Vốn đầu tư của thành viên	401.1		26.000.000.000	26.000.000.000
2. Phải thu nội bộ của chủ sở hữu	401.2		100.000.000	100.000.000
3. Lợi nhuận giữ lại	401.3		4.000.000.000	4.000.000.000
4. Các khoản phải thu khác	401.4		80.000.000	80.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	401.5		4.000.000.000	4.000.000.000
II. Nguồn vốn vay	402		-	-
1. Nguồn vốn vay	402.1		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	400		27.000.000.000	26.000.000.000

VSTCP

BIÊN BẢN CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THỰC HIỆN
Dự án: 01 tháng 04 năm 2014

CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ XÃ HỘI CỦA MÔ HÌNH

Đơn vị tính: VNĐ

Công việc	Đơn vị tính	01/2014	04/2014
1. Nhân công 2. Vật tư, hàng hóa nhập nội, nhập khẩu 3. Hàng hóa nhập nội, nhập khẩu 4. Chi phí khác 5. Tổng chi phí 6. Chi phí khác		1000000	1000000

Người lập biên bản

Kiểm tra

Thống kê



Người lập biên bản

Kiểm tra

Thống kê

Hồ Chí Minh ngày 04 tháng 04 năm 2014



BẢNG CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2023

Đơn vị: VNĐ

Chi tiêu	Quý 1 năm 2023		Năm 2023	Năm 2022
	Giá trị	Đơn vị tính		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	39	10,0	124.877.284,87	200.070.000,00
2. Chi giảm giá bán hàng hóa	00	00,0	00,000,000,00	00,000,000,00
3. Doanh thu khác	00	00,0	00,000,000,00	00,000,000,00
4. Chi chi phí bán hàng	00	00,0	00,000,000,00	00,000,000,00
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	39	10,0	124.877.284,87	200.070.000,00
6. Chi chi phí quản lý doanh nghiệp	00	00,0	00,000,000,00	00,000,000,00
7. Lợi nhuận trước thuế	39	10,0	124.877.284,87	200.070.000,00
8. Thuế thu nhập doanh nghiệp	00	00,0	00,000,000,00	00,000,000,00
9. Lợi nhuận sau thuế	39	10,0	124.877.284,87	200.070.000,00
10. Chi phí tài chính	00	00,0	00,000,000,00	00,000,000,00
11. Chi phí khác	00	00,0	00,000,000,00	00,000,000,00
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	39	10,0	124.877.284,87	200.070.000,00
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	00	00,0	00,000,000,00	00,000,000,00
14. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	39	10,0	124.877.284,87	200.070.000,00
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	00	00,0	00,000,000,00	00,000,000,00
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	39	10,0	124.877.284,87	200.070.000,00
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	39	10,0	124.877.284,87	200.070.000,00
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	39	10,0	124.877.284,87	200.070.000,00

Người lập báo cáo

Chức vụ: Giám đốc

Ngày lập báo cáo



Người lập báo cáo

Ngày lập báo cáo

Ngày lập báo cáo

Việc lập báo cáo tài chính này đúng và chính xác.

BÁO CÁO LỢI CHUYỂN TIỀN TỶ

Năm 2017

Đơn vị tiền: VND

Các chỉ	Hàng số	Năm nay	Năm trước
I. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Thu nhập bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	180.000.000.000	190.000.000.000
2. Thu nhập khác	02	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
3. Thu nhập tài chính	03	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
4. Thu nhập khác	04	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
5. Thu nhập khác	05	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
6. Thu nhập khác	06	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
7. Thu nhập khác	07	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10	130.000.000.000	130.000.000.000
II. Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính			
1. Tiền lãi từ chuyển nhượng bất động sản	11	1.000.000.000	0.000.000.000
2. Tiền lãi từ chuyển nhượng khác	12	0.000.000.000	0.000.000.000
3. Tiền lãi từ ngân hàng, chuyển nhượng quyền sử dụng đất đai	13	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
4. Tiền lãi từ hoạt động đầu tư tài chính khác	14	0.000.000.000	0.000.000.000
5. Tiền lãi từ các loại tài sản khác	15	1.000.000.000	1.000.000.000
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	20	0.000.000.000	0.000.000.000
III. Lợi nhuận thuần từ hoạt động thuế			
1. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp	31	0.000.000.000	0.000.000.000
2. Tiền thuế thu nhập cá nhân	32	0.000.000.000	0.000.000.000
3. Tiền thuế khác	33	0.000.000.000	0.000.000.000
Lợi nhuận thuần từ hoạt động thuế	40	0.000.000.000	0.000.000.000
IV. Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác			
1. Tiền lãi từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất đai	51	0.000.000.000	0.000.000.000
2. Tiền lãi từ chuyển nhượng quyền sử dụng tài sản khác	52	0.000.000.000	0.000.000.000
3. Tiền lãi từ chuyển nhượng quyền sử dụng tài sản khác	53	0.000.000.000	0.000.000.000
4. Tiền lãi từ chuyển nhượng quyền sử dụng tài sản khác	54	0.000.000.000	0.000.000.000
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	60	0.000.000.000	0.000.000.000
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	70	0.000.000.000	0.000.000.000
Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	80	130.000.000.000	130.000.000.000
Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	90	0.000.000.000	0.000.000.000
Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động thuế	100	0.000.000.000	0.000.000.000
Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	110	0.000.000.000	0.000.000.000

Người lập báo cáo

Hồ Văn Hùng

Thống đốc





Người Thủ Hộ Báo

Hồ Văn Hùng

Thống đốc

Ngày 04/04/2018

BẢN TRUYẾT MẪM BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2024-2025

1. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI CỦA BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1.1. Mục tiêu và phạm vi

Báo cáo tài chính được lập ra để cung cấp thông tin về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ báo cáo. Báo cáo này tuân thủ các quy định của pháp luật về kế toán và báo cáo tài chính, đồng thời tuân thủ các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về thông tin tài chính của Công ty.

Báo cáo tài chính này áp dụng cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Việt Nam, bao gồm các chi nhánh và phòng ban.

1.2. Phạm vi áp dụng

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Việt Nam - Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội - Việt Nam
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Việt Nam - Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội - Việt Nam
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Việt Nam - Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội - Việt Nam
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Việt Nam - Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội - Việt Nam

Báo cáo tài chính này tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định quốc tế.

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Việt Nam - Việt Nam - Trung tâm Kế toán.

Báo cáo tài chính này tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định quốc tế.

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Việt Nam - Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

Báo cáo tài chính này tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định quốc tế.

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Việt Nam - Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Việt Nam - Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

Báo cáo tài chính này tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định quốc tế.

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Việt Nam - Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

Báo cáo tài chính này tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định quốc tế.

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Việt Nam - Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

Báo cáo tài chính này tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định quốc tế.

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Việt Nam - Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Việt Nam - Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Việt Nam - Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Việt Nam - Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

Báo cáo tài chính này tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định quốc tế.

Báo cáo tài chính này tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định quốc tế.

1.3. Lưu ý khác

Lưu ý khác: Báo cáo tài chính này được lập ra để cung cấp thông tin về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHẠM VĂN CHANH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHẠM VĂN CHANH HÀ NỘI - VIỆT NAM

II. CÁC CHỨC VỤ VÀ QUY ĐỊNH VỀ MẶT KHÁC

1. CHỨC VỤ VÀ QUY ĐỊNH VỀ MẶT KHÁC

a. Chức vụ

Chức vụ của người làm công việc chuyên môn là chức vụ chuyên môn.

b. Chức vụ và quy định về mặt khác

Chức vụ và quy định về mặt khác của người làm công việc chuyên môn là chức vụ chuyên môn.

2. CHỨC VỤ VÀ QUY ĐỊNH VỀ MẶT KHÁC

a. Chức vụ

Chức vụ của người làm công việc chuyên môn là chức vụ chuyên môn. Chức vụ của người làm công việc chuyên môn là chức vụ chuyên môn.

b. Chức vụ và quy định về mặt khác

Chức vụ và quy định về mặt khác của người làm công việc chuyên môn là chức vụ chuyên môn. Chức vụ và quy định về mặt khác của người làm công việc chuyên môn là chức vụ chuyên môn.

c. Chức vụ và quy định về mặt khác

Chức vụ và quy định về mặt khác của người làm công việc chuyên môn là chức vụ chuyên môn.

III. CÁC CHỨC VỤ VÀ QUY ĐỊNH VỀ MẶT KHÁC

1. Chức vụ và quy định về mặt khác

Chức vụ và quy định về mặt khác của người làm công việc chuyên môn là chức vụ chuyên môn. Chức vụ và quy định về mặt khác của người làm công việc chuyên môn là chức vụ chuyên môn.

Chức vụ và quy định về mặt khác của người làm công việc chuyên môn là chức vụ chuyên môn. Chức vụ và quy định về mặt khác của người làm công việc chuyên môn là chức vụ chuyên môn.

Chức vụ và quy định về mặt khác của người làm công việc chuyên môn là chức vụ chuyên môn. Chức vụ và quy định về mặt khác của người làm công việc chuyên môn là chức vụ chuyên môn.

Chức vụ và quy định về mặt khác của người làm công việc chuyên môn là chức vụ chuyên môn. Chức vụ và quy định về mặt khác của người làm công việc chuyên môn là chức vụ chuyên môn.

Chức vụ và quy định về mặt khác của người làm công việc chuyên môn là chức vụ chuyên môn. Chức vụ và quy định về mặt khác của người làm công việc chuyên môn là chức vụ chuyên môn.

BÀI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

2. Người ra đề thi thi trắc nghiệm

Hàng đầu tiên của mỗi câu hỏi trắc nghiệm. Trước tiên ghi rõ nội dung và số đáp án đúng, tiếp theo ghi rõ từ phải sang trái của mỗi câu hỏi trắc nghiệm. Các câu hỏi của bài thi trắc nghiệm chỉ có một câu trả lời đúng trong số các câu trả lời khác nhau.

Hàng tiếp theo của mỗi câu hỏi trắc nghiệm thường ghi rõ phương pháp giải.

Hàng đầu tiên của mỗi câu hỏi trắc nghiệm thường ghi rõ nội dung câu hỏi.

3. Người ra đề thi thi tự luận

Tên của mỗi câu hỏi tự luận được ghi rõ ràng và đầy đủ. Trong quá trình ra đề, tất cả các số liệu của bài thi trắc nghiệm phải được ghi rõ ràng và đầy đủ.

Mỗi câu hỏi tự luận của bài thi trắc nghiệm thường ghi rõ nội dung của câu hỏi, tiếp theo ghi rõ yêu cầu của bài thi trắc nghiệm. Trong quá trình ra đề, tất cả các số liệu của bài thi trắc nghiệm phải được ghi rõ ràng và đầy đủ.

- | | |
|-------------------|--------------|
| - Thời gian thi | 60 - 90 phút |
| - Môn thi | 60 - 90 phút |
| - Phương pháp thi | 60 - 90 phút |
| - Thời gian thi | 60 - 90 phút |
| - Thời gian thi | 60 - 90 phút |

4. Người ra đề thi thi tự luận

Hàng đầu tiên của mỗi câu hỏi tự luận, tiếp theo ghi rõ nội dung của câu hỏi, tiếp theo ghi rõ yêu cầu của bài thi trắc nghiệm. Trong quá trình ra đề, tất cả các số liệu của bài thi trắc nghiệm phải được ghi rõ ràng và đầy đủ.

Hàng đầu tiên của mỗi câu hỏi tự luận, tiếp theo ghi rõ nội dung của câu hỏi, tiếp theo ghi rõ yêu cầu của bài thi trắc nghiệm. Trong quá trình ra đề, tất cả các số liệu của bài thi trắc nghiệm phải được ghi rõ ràng và đầy đủ.

Các câu hỏi tự luận của bài thi trắc nghiệm thường ghi rõ nội dung của câu hỏi, tiếp theo ghi rõ yêu cầu của bài thi trắc nghiệm.

- Các câu hỏi tự luận của bài thi trắc nghiệm thường ghi rõ nội dung của câu hỏi, tiếp theo ghi rõ yêu cầu của bài thi trắc nghiệm.
- Các câu hỏi tự luận của bài thi trắc nghiệm thường ghi rõ nội dung của câu hỏi, tiếp theo ghi rõ yêu cầu của bài thi trắc nghiệm.
- Các câu hỏi tự luận của bài thi trắc nghiệm thường ghi rõ nội dung của câu hỏi, tiếp theo ghi rõ yêu cầu của bài thi trắc nghiệm.

Các câu hỏi tự luận của bài thi trắc nghiệm thường ghi rõ nội dung của câu hỏi, tiếp theo ghi rõ yêu cầu của bài thi trắc nghiệm. Trong quá trình ra đề, tất cả các số liệu của bài thi trắc nghiệm phải được ghi rõ ràng và đầy đủ.

ÔN TẬP VỀ CÁC DẠNG TOÁN VỀ HÌNH CHỮ NHẬT

1. Nguyên tắc giải toán về các hình chữ nhật

Chỉ giải bài toán hình chữ nhật khi đã biết các cạnh, biết chu vi trong họ biết diện tích, thì đã biết độ dài của một cạnh thì biết độ dài của cạnh kia và ngược lại. Nếu biết độ dài của hai cạnh thì biết độ dài của hai cạnh còn lại. Nếu biết độ dài của hai cạnh thì biết độ dài của hai cạnh còn lại.

Chỉ giải bài toán hình chữ nhật khi đã biết độ dài của hai cạnh thì biết độ dài của hai cạnh còn lại. Nếu biết độ dài của hai cạnh thì biết độ dài của hai cạnh còn lại. Nếu biết độ dài của hai cạnh thì biết độ dài của hai cạnh còn lại.

2. Nguyên tắc giải toán về diện tích hình chữ nhật

Chỉ giải toán về diện tích hình chữ nhật khi đã biết độ dài của hai cạnh thì biết độ dài của hai cạnh còn lại. Nếu biết độ dài của hai cạnh thì biết độ dài của hai cạnh còn lại.

Chỉ giải toán về diện tích hình chữ nhật khi đã biết độ dài của hai cạnh thì biết độ dài của hai cạnh còn lại. Nếu biết độ dài của hai cạnh thì biết độ dài của hai cạnh còn lại.

3. Nguyên tắc giải toán về chu vi hình chữ nhật

Chỉ giải toán về chu vi hình chữ nhật khi đã biết độ dài của hai cạnh thì biết độ dài của hai cạnh còn lại. Nếu biết độ dài của hai cạnh thì biết độ dài của hai cạnh còn lại.

4. Nguyên tắc giải toán về độ dài các cạnh

Chỉ giải toán về độ dài các cạnh hình chữ nhật khi đã biết độ dài của hai cạnh thì biết độ dài của hai cạnh còn lại. Nếu biết độ dài của hai cạnh thì biết độ dài của hai cạnh còn lại.

5. Nguyên tắc giải toán về các dạng toán khác

- Tính diện tích hình chữ nhật khi biết độ dài của hai cạnh.
- Tính chu vi hình chữ nhật khi biết độ dài của hai cạnh.
- Tính độ dài các cạnh hình chữ nhật khi biết chu vi và diện tích.
- Tính độ dài các cạnh hình chữ nhật khi biết chu vi và độ dài của một cạnh.
- Tính độ dài các cạnh hình chữ nhật khi biết diện tích và độ dài của một cạnh.



BẢN THUYẾT MINH BẢNG CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đánh giá công nghiệp bất động sản

Đánh giá công nghiệp bất động sản được ghi nhận là kết quả của quá trình dự đoán của khách hàng nhất định về tương lai của công nghiệp bất động sản. Những bất cập công nghiệp bất động sản liên quan đến điều kiện dự đoán của khách hàng ghi nhận trong kỳ báo cáo quá trình công nghiệp bất động sản theo thời gian thay đổi đáng kể trong quá trình báo cáo. Kết quả đánh giá công nghiệp bất động sản được trình bày như sau:

- Đánh giá được các điều kiện trong kỳ báo cáo;
- Có thể trong tương lai, sự bất đồng về dự đoán công nghiệp bất động sản;
- Các điều kiện phải công nghiệp bất động sản; các ngày thay đổi đáng kể về tài sản;
- Các điều kiện về giá phải công nghiệp bất động sản và dự đoán về tương lai công nghiệp bất động sản.

Phần công nghiệp công nghiệp bất động sản là khoản thanh toán của khách hàng phương pháp định giá công nghiệp bất động sản.

Đánh giá công nghiệp bất động sản

Phần công nghiệp bất động sản của khách hàng xây dựng liên quan và các điều kiện công nghiệp bất động sản theo thời gian. Các tài sản công nghiệp bất động sản khác nhau, đánh giá công nghiệp bất động sản theo thời gian, cụ thể là các tài sản công nghiệp bất động sản.

Đánh giá công nghiệp bất động sản

Đánh giá các tài sản công nghiệp bất động sản, là các tài sản công nghiệp bất động sản và các tài sản công nghiệp bất động sản khác nhau theo thời gian. Các tài sản công nghiệp bất động sản khác nhau theo thời gian.

- Có những tài sản công nghiệp bất động sản;
- Đánh giá công nghiệp bất động sản.

Có thể, là đánh giá công nghiệp bất động sản. Công nghiệp công nghiệp bất động sản theo thời gian.

III. Nguyên nhân và phương pháp ghi nhận các khoản công nghiệp bất động sản, công nghiệp bất động sản khác nhau

Công nghiệp bất động sản công nghiệp bất động sản theo thời gian công nghiệp bất động sản và công nghiệp bất động sản khác nhau.

Công nghiệp bất động sản công nghiệp bất động sản theo thời gian công nghiệp bất động sản và công nghiệp bất động sản khác nhau.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG (TIẾP THEO) CÁC THÔNG TIN THƯƠNG MẠI CỦA CÔNG TY

1. Tài sản công nghiệp bất động sản

	31/12/2016	31/12/2015
	USD	USD
Tài sản	1.477.463.000	1.281.490.000
Tài sản công nghiệp bất động sản	1.463.400.000	1.270.000.000
Các khoản công nghiệp bất động sản - Tài sản công nghiệp bất động sản	1.390.000.000	1.200.000.000
Tổng	13.881.497.500	13.881.497.500

BÁO THUYẾT MINH CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH (tiếp theo)

1. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019	31/12/2018
	USD	USD
Công ty CP Thành Long	4.296.484,00	3.279.400,00
Đơn vị liên kết giữ quyền kiểm soát không có hình thức		58.347,00
Khác		
Công ty CP Hòa An Tây Ninh	1.800.000,00	1.800.000,00
Nguyễn Văn Ngọc (cố nhân viên Công ty Cổ phần)	17.448,00	17.448,00
Đơn vị liên kết	1.586.447,00	-
Khác	20.000,00	3.884.110,00
Cộng	7.720.979,00	9.123.905,00

2. Hàng tồn kho

	31/12/2019	31/12/2018
	USD	USD
Hàng tồn kho	276.236,00	276.912,00
Chi phí vận chuyển	234.048,00	17.347,40
Chi phí vận chuyển khác-không có hàng	1.800,00	1.800,00
Hàng hóa	9.180,00	9.809,60
Cộng giá gốc hàng tồn kho	511.264,00	305.869,00
Giá phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	511.264,00	305.869,00

3. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2019	31/12/2018
	USD	USD
Tài sản khác chờ xử lý	100.000,00	100.000,00
Tạm ứng	1.800.000,00	1.800.000,00
Ký quỹ (chưa nhận)	1.000.000,00	1.000.000,00
Cộng	2.900.000,00	2.900.000,00

BẢNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÁC NĂM KÈM THEO (tiếp theo)

A. Tổng giá trị tài sản và nợ phải trả

	Đơn vị: VND					
	31/03/2024, cộng dồn VND	31/03/2023, cộng dồn VND	Thay đổi cộng dồn	Tăng tỷ cộng dồn	Tỷ số so với năm trước	Tổng cộng
Tổng tài sản						
Tài sản không phân bổ	1.000.000.000	1.000.000.000	0	0%	100%	1.000.000.000
Tài sản phân bổ	10.000.000.000	10.000.000.000	0	0%	100%	10.000.000.000
Tổng tài sản	11.000.000.000	11.000.000.000	0	0%	100%	11.000.000.000
Tổng nợ phải trả						
Nợ ngắn hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	0	0%	100%	5.000.000.000
Nợ dài hạn	6.000.000.000	6.000.000.000	0	0%	100%	6.000.000.000
Tổng nợ phải trả	11.000.000.000	11.000.000.000	0	0%	100%	11.000.000.000

Các số liệu tài chính được trình bày theo đơn vị VND. Các số liệu tài chính được trình bày theo đơn vị VND. Các số liệu tài chính được trình bày theo đơn vị VND.



BẢN THUYẾT MINH CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH (jếp theo)

6. Chi phí vận động và chi phí khác

	31/12/2019	31/12/2018
	VND	VND
Cy vận động SA	6.361.000	6.361.000
Trang thiết bị theo hợp đồng thuê máy móc		262.298.200
Chi phí vận hành và vận chuyển hàng	276.300.000	276.300.000
Chi phí vận hành và vận chuyển hàng	288.200.000	288.200.000
Cy vận hành	17.881.900	17.881.900
Cy vận hành vận chuyển hàng hóa	11.907.800	11.907.800
Cy vận hành vận chuyển hàng	2.000.000	2.000.000
Cy vận hành vận chuyển hàng hóa	34.000.000	34.000.000
Tổng	772.281.700	1.007.789.900

7. Chi khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2019	31/12/2018
	VND	VND
Chi khoản đầu tư tài chính dài hạn	64.000.000.000	64.000.000.000
Chi khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	68.000.000.000	68.000.000.000
Tổng	132.000.000.000	132.000.000.000

Chi khoản đầu tư tài chính dài hạn tiếp theo:

Chi khoản đầu tư	Tỷ lệ % quyền sở hữu	31/12/2019		31/12/2018	
		Tỷ lệ % quyền sở hữu	Giá trị VND	Tỷ lệ % quyền sở hữu	Giá trị VND
Chi khoản đầu tư tài chính dài hạn			64.000.000.000		64.000.000.000
Chi khoản đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Việt Nam	33,33%		21.333.333.333	33,33%	21.333.333.333
Chi khoản đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Việt Nam	33,33%		21.333.333.333	33,33%	21.333.333.333
Chi khoản đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Việt Nam	33,33%		21.333.333.333	33,33%	21.333.333.333
Chi khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			68.000.000.000		68.000.000.000
Chi khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Việt Nam	10,00%		6.800.000.000	10,00%	6.800.000.000
Chi khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Việt Nam	30,00%		20.400.000.000	30,00%	20.400.000.000
Chi khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Việt Nam	30,00%		20.400.000.000	30,00%	20.400.000.000
Chi khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Việt Nam	30,00%		20.400.000.000	30,00%	20.400.000.000
Chi khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Việt Nam	10,00%		6.800.000.000	10,00%	6.800.000.000
Chi khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Việt Nam	10,00%		6.800.000.000	10,00%	6.800.000.000
Chi khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Việt Nam	10,00%		6.800.000.000	10,00%	6.800.000.000

BÀN THUYẾT NGHỊ QUẢN LÝ CÁC TÀI SẢN (tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính để phục vụ mục đích (tiếp theo)	Tỷ lệ % quyền sở hữu	31/12/2019		31/12/2018	
		Giá trị gốc tính theo VND	Tỷ lệ % quyền sở hữu	Giá trị gốc tính theo VND	Tỷ lệ % quyền sở hữu
Bills to order (bills to order)					
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn	10,27%	19.136.420.000	20,00%	19.000.000.000	
Công ty TNHH TM&DVCT Dịch vụ Thành Công	20,00%	800.000.000	20,00%	800.000.000	
Công ty TNHH Thương mại Việt	10,27%	1.973.853.000	10,27%	1.973.853.000	
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Sài Gòn	10,27%	1.973.853.000	10,27%	1.973.853.000	

Chú thích: Quyền quản lý các công ty trong công ty liên doanh liên kết, đầu tư để phục vụ khác tương ứng với tỷ lệ vốn góp tại các công ty này.

B. Các khoản thanh toán ngắn hạn

	31/12/2019	31/12/2018
	VND	VND
Chi phí trả cho các đơn vị khác		
Công nợ, chi phí trả cho nhà thầu	1.759.089.537	4.208.894.037
Chi phí trả trước	1.776.575.810	1.548.076.070
Chi phí thanh toán lương trả lại	29.489.400	191.476.428
Lợi thế tương lai chi phí-điều chỉnh chi phí trả trước lương	11.571.203.807	16.809.807.000
Chi phí trả trước chi phí khác	1.262.597.070	2.881.024.000
Cộng	12.294.985.794	16.839.077.535

C. Các khoản vay ngắn hạn

	31/12/2019	31/12/2018
	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.776.473.400	1.500.000.000
Cộng	1.776.473.400	1.500.000.000

Các khoản vay ngắn hạn và tài trợ khác (bên ngoài)

Mô tả chi tiết	Loại hình tài trợ	Tính kỳ	Tỷ lệ %	Giá trị gốc tính theo VND
180.400.000.000 (200.000 VNĐ)	Ngân hàng THCF - Khách Hàng Nhàn - CCB	6%	3 tháng	180.400.000
10.000.000 (10.000 VNĐ)	Ngân hàng THCF			10.000.000
500.000 (500 VNĐ)	Công Thương - CCBV	17%	3 tháng	500.000.000
1.475.000 (1.475 VNĐ)	Ngân hàng THCF			1.475.000
1.000.000 (1.000 VNĐ)	Công Thương - CCBV	4,7%	3 tháng	1.000.000.000
Cộng				1.776.473.400



16. THU VÀ VỐN NHẬN SAO LÃNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16.1. Thuế và các khoản phải nộp khác

	31/12/2019	31/12/2018
	USD	USD
Thuế giá trị gia tăng	143.040.070	140.940.000
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.401.000	6.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	500.000.000	
Thuế thu nhập cá nhân	1.100.000	10.000.000
Thuế các khoản thuế khác	1.000.000.000	1.120.000.000
Cộng	1.646.541.070	1.276.940.000

16.2. Chi phải phải trả

	31/12/2019	31/12/2018
	USD	USD
Chi phí lãi vay	100.000.000	1.000.000.000
Chi phí liên quan hàng tháng ở khu vực Phú Yên	100.000.000	
Chi phí mua sắm tài sản - Chi nhận từ các Chi nhánh	100.000.000	
Chi phí phải trả khác	100.000.000	100.000.000
Cộng	400.000.000	1.100.000.000

16.3. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2019	31/12/2018
	USD	USD
Thuế giá trị gia tăng	40.000.000	40.000.000
Thuế tiêu thụ đặc biệt	40.000.000	40.000.000
Thuế thu nhập	1.000.000	
Thuế thu nhập cá nhân	400.000	
Có chi phải trả	1.000.000.000	1.000.000.000
Chi chi nhánh và phải nộp thuế	10.000.000.000	10.000.000.000
- Lãi vay ngắn hạn	1.000.000.000	1.000.000.000
- Mua sắm tài sản liên quan chi nhánh	100.000.000	100.000.000
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.000.000.000	4.000.000.000
- Thuế thu nhập	100.000.000	100.000.000
- Chi phí mua sắm hàng hóa và chi phí vận chuyển hàng	100.000.000	100.000.000
- Mua sắm tài sản ở TP-Hồ Chí Minh - Phú Yên	1.000.000.000	1.000.000.000
- Mua sắm tài sản	1.000.000.000	1.000.000.000
- Thuế thu nhập cá nhân	100.000.000	100.000.000
- Thuế thu nhập	4.000.000.000	4.000.000.000
- Công ty CP THEPCOL - Phú Yên - Hồ Chí Minh	1.000.000.000	
- Các khoản khác	100.000.000	1.000.000.000
Cộng	11.540.000.000	11.540.000.000



LIÊN KẾT VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC

13. Các khoản đầu tư

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Ngày sáng lập và/hoặc Phát triển (P1)	13.000.000.000	17.200.000.000
Ngày sáng lập và/hoặc Phát triển (P2)	14.000.000.000	14.000.000.000
Tổng	27.000.000.000	31.200.000.000

(P1) Các khoản đầu tư được và Phát triển P1 được chi trả bằng tiền mặt.

- Ngày sáng lập và/hoặc Phát triển (P1) ngày 15/12/2023, ngày sáng lập và/hoặc Phát triển (P2) ngày 15/12/2023, tại các thời điểm này các khoản đầu tư được và Phát triển P1 được chi trả bằng tiền mặt và ngày sáng lập và/hoặc Phát triển P2 được chi trả bằng tiền mặt.

- Ngày sáng lập và/hoặc Phát triển (P2) ngày 15/12/2023, ngày sáng lập và/hoặc Phát triển (P1) ngày 15/12/2023, tại các thời điểm này các khoản đầu tư được và Phát triển P2 được chi trả bằng tiền mặt và ngày sáng lập và/hoặc Phát triển P1 được chi trả bằng tiền mặt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ - VIỆT NAM

14. Thuế và các khoản chi trả khác (chưa nộp thuế)

14. Thuế và các khoản chi trả khác

a) Bảng kê thuế liên quan của đơn vị báo cáo

	Thuế của đơn vị báo cáo	Chiết khấu (nếu có)	Quy định (nếu có)	Quy định khác	Lợi nhuận sau thuế của đơn vị báo cáo
Thuế của đơn vị báo cáo	100.000.000.000		4.700.000.000	100.000.000	100.000.000.000
Lãi trong doanh nghiệp		100.000.000			1.200.000.000
Thuế của đơn vị báo cáo			2.000.000.000	200.000.000	2.000.000.000
Chi của đơn vị báo cáo			2.700.000.000		2.700.000.000
Mức thuế của đơn vị báo cáo	100.000.000.000	100.000.000	6.700.000.000	300.000.000	100.000.000.000
Lãi trong doanh nghiệp		100.000.000			1.200.000.000
Thuế của đơn vị báo cáo			2.000.000.000	200.000.000	2.000.000.000
Chi của đơn vị báo cáo			2.700.000.000		2.700.000.000
Mức thuế của đơn vị báo cáo	100.000.000.000	100.000.000	6.700.000.000	300.000.000	100.000.000.000

Thuế của đơn vị báo cáo được xác định dựa trên các quy định của pháp luật về thuế và các quy định khác có liên quan.

b) Thành lập đơn vị báo cáo

	2019	%	2020	%
Thuế của đơn vị báo cáo	100.000.000.000	100%	100.000.000.000	100%
Thuế của đơn vị báo cáo	100.000.000.000	100%	100.000.000.000	100%
Tổng	100.000.000.000	100%	100.000.000.000	100%



BÁO THUYẾT NHỮNG MỨC CẢM TÁC ĐỘNG (tiếp theo)

a) Các yếu tố rủi ro của chi phí lãi vay và phân phối lợi nhuận từ doanh nghiệp

	Năm nay 2020	Năm trước 2019
Vốn được ưu đãi về lãi		
Vốn góp không lãi	180.401.249.000	180.401.249.000
Vốn góp bằng chứng khoán	-	-
Vốn góp bằng hàng hóa	340.000	-
Vốn góp bằng tiền	130.447.000.000	130.447.000.000
Vốn góp bằng tài sản	25.477.000.000	25.477.000.000

b) Cổ phiếu

	31/12/2020	31/12/2019
Hàng tồn kho	30.000.000	30.000.000
Hàng tồn kho đã bán	30.000.000	30.000.000
- Chi phí phát hành	30.000.000	30.000.000
Hàng tồn kho đã bán	30.000.000	30.000.000
- Chi phí phát hành	30.000.000	30.000.000

Đơn vị tiền tệ: VND

11. TRƯỜNG TỰ DO (KẾ TOÁN CHIẾU ĐÓNG, KẾ TOÁN SỬ DỤNG) VÀ CÁC MỨC CẢM TÁC ĐỘNG CỦA CHÚNG (TIẾP THEO)

	Năm nay 2020	Năm trước 2019
1. Khoản thu từ hàng và công cụ đặc biệt	294.007.242.000	280.070.000.000
Khuyến khích hàng	80.000.000.000	80.000.000.000
Khuyến khích công cụ đặc biệt	214.007.242.000	200.070.000.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	136.300.000	70.100.000
Giảm giá hàng hóa	136.300.000	-
Thu nhập hoãn lại	70.100.000	70.100.000
3. Khoản thu khác về tài sản và công cụ đặc biệt	293.770.942.000	280.000.000.000
Khuyến khích hàng	80.000.000.000	80.000.000.000
Khuyến khích công cụ đặc biệt	213.770.942.000	200.000.000.000

BẢN TÀI CHÍNH MỘT NĂM CỤC TÀI CHÍNH QUÝ NĂM

6. Chi chi phí khác

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Chi chi phí khác	63.261.662.000	67.006.000.000
Chi chi phí chi phí khác	76.771.200.000	66.704.000.000
Chi phí	140.032.862.000	133.710.000.000

8. Hoạt động hoạt động tài chính

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Lãi/lỗ từ hoạt động tài chính	82.000.000	482.700.000
Lãi/lỗ từ hoạt động tài chính, ngoại tệ	11.400.000	
Chi phí, chi phí khác	2.400.000.000	1.000.000.000
Chi phí khác	200.000.000	
Lãi/lỗ từ hoạt động tài chính	2.000.000.000	482.700.000
Lãi/lỗ từ hoạt động tài chính, ngoại tệ	11.400.000	482.700.000
Chi phí khác	2.400.000.000	1.000.000.000
Chi phí	1.600.000.000	1.417.300.000

9. Chi phí khác

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Lãi/lỗ khác	1.700.000.000	1.000.000.000
Lãi/lỗ khác từ hoạt động tài chính	11.700.000	100.000
Lãi/lỗ khác từ hoạt động tài chính		20.000.000
Chi phí khác	1.700.000.000	1.000.000.000

7. Lợi nhuận khác

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Tax chi phí khác	1.000.000.000	400.000.000
Chi phí khác từ hoạt động tài chính	200.000.000	100.000.000
Chi phí khác từ hoạt động tài chính		100.000.000
Tổng chi phí khác	1.200.000.000	500.000.000
Lãi/lỗ khác từ hoạt động tài chính	400.000.000	100.000.000
Chi phí khác từ hoạt động tài chính	1.000.000.000	400.000.000
Chi phí khác từ hoạt động tài chính	200.000.000	100.000.000
Chi phí khác từ hoạt động tài chính	1.000.000.000	400.000.000
Chi phí khác	1.200.000.000	500.000.000

BIỂU TRƯNG TÍNH TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ (tiếp)

Chi phí khác	244.750.000	266.976.000
Chi phí vận tải (chi phí vận chuyển)	244.750.000	252.004.000
Chi phí bán hàng		50.798.000
Tổng chi phí bán hàng và chi phí vận tải		302.802.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.000.000	
Quỹ dự trữ	66.750.000	
Chi phí khác	66.750.000	26.990.000
Lợi nhuận khác	1.164.670.000	1.060.990.000

3. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính được xác định và tính toán với tỉ lệ 28% trên thu nhập chịu thuế. Công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp 28% của quý 3/2014 theo thu nhập chịu thuế tạm tính của quý 3/2014 là 1.164.670.000 đồng (1.164.670.000 đồng) và thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính của quý 3/2014 là 326.107.600 đồng (326.107.600 đồng).

Các chi phí thuế thu nhập Công ty đã tính và kế toán vào công nợ thuế. Các chi phí bằng tiền và các tài sản vô hình khác để mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác và chi phí khác phát sinh liên quan đến việc thực hiện công việc này tập hợp vào tài khoản chi tiêu và chi trả cho khách hàng phát sinh của quý 3/2014.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính và thuế thu nhập doanh nghiệp được tính lại chi tiết:

	<u>Tính theo VND</u>	<u>Tính theo VND</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính	4.224.880.000	1.275.876.000
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận chịu thuế của các đơn vị hạch toán chi tiêu thu nhập doanh nghiệp	(1.170.260.000)	(1.204.871.600)
Các khoản khác được tăng	475.000.000	475.000.000
+ Chi phí nghiên cứu và phát triển	475.000.000	29.000.000
Các khoản khác được giảm	(1.645.260.000)	(1.200.871.600)
+ Chi phí bán hàng được giảm	(1.645.260.000)	(1.200.871.600)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.054.620.000	(91.000.000)
Tổng chi		
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính (TNDN)	1.275.876.000	
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính (TNDN)	1.204.871.600	
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính	248	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính	1.280.975.000	
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính	275.000.000	
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính	1.556.975.000	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính	1.556.975.000	

1.6. CHI TIẾT CÁC KHOẢN CÁC TÀI SẢN NGẬP NHẬN

4. Lợi nhuận trước thuế lỗ phải

	Năm nay 2009	Năm trước 2008
Lợi nhuận kế toán sau thuế từ hoạt động kinh doanh	1.004.493.000	1.214.470.000
Chi được khấu trừ hàng nhập khẩu sau thuế nhập khẩu (sau khi trừ chi phí hàng nhập khẩu phải nộp thuế và chi phí vận chuyển, bảo hiểm)		
- Chi được khấu trừ hàng nhập khẩu		
- Chi được khấu trừ hàng nhập khẩu	1.464.493.000	1.214.470.000
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.464.493.000	1.214.470.000
Lỗ phải nộp hàng nhập khẩu trước thuế nhập khẩu	10.000.000	10.000.000
Lợi nhuận trước thuế	1.454.493.000	1.204.470.000

16. Các khoản thuế phải nộp theo chi phí

	Năm nay 2009	Năm trước 2008
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.000.000.000	10.000.000.000
Chi phí vận chuyển	10.000.000.000	10.000.000.000
Chi phí khấu trừ chi phí vận chuyển	1.000.000.000	1.000.000.000
Chi phí khác và chi phí quản lý	20.000.000.000	20.000.000.000
Chi phí khác không xác định	20.000.000.000	20.000.000.000
Tổng	60.000.000.000	60.000.000.000

17. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 - Tài sản ngắn hạn

Mọi tài sản ngắn hạn của Công ty được đánh giá theo giá trị gốc trừ đi khoản giảm trừ về giảm giá tài sản ngắn hạn. Mọi tài sản ngắn hạn của Công ty được đánh giá theo giá trị gốc trừ đi khoản giảm trừ về giảm giá tài sản ngắn hạn.

Mọi tài sản ngắn hạn của Công ty được đánh giá theo giá trị gốc trừ đi khoản giảm trừ về giảm giá tài sản ngắn hạn.

Nhóm tài sản ngắn hạn	Mã số	Mở đầu năm 31/12/2008	CLOSE cuối năm 31/12/2009	Chênh lệch
Hàng tồn kho	100	10.000.000.000	10.000.000.000	0.000.000.000
Phải thu ngắn hạn	110	10.000.000.000	10.000.000.000	0.000.000.000
Chi trả ngắn hạn	120		10.000.000.000	10.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	130	10.000.000.000	10.000.000.000	0.000.000.000
Ngắn hạn phải thu khác	140	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Chi trả ngắn hạn khác	150	10.000.000.000	-	10.000.000.000

BẢNG TÍNH THÀNH GIÁ CÁC SẢN PHẨM (tiếp theo)

1- Bảng giá chi tiết thành giá các sản phẩm theo cơ cấu chi phí các hợp đồng mua bán

Chi tiêu	Đơn vị tính	Giá đơn vị	Thành tiền
Cơ cấu nhân			
- Nhân viên bán hàng 01 em	10	22,00	220,00
- Nhân viên bán hàng 01 em	10	77,17	771,70
Cơ cấu vật			
- Vật liệu và công cụ dụng cụ	10	27,17	271,70
- Vật tư tiêu hao và phụ tùng	10	72,00	720,00
Chi phí vận chuyển			
- Chi phí vận chuyển nội địa	1,00	1,00	1,00
- Chi phí vận chuyển quốc tế	1,00	1,00	1,00
- Chi phí vận chuyển khác	1,00	0,00	0,00
Chi phí khác			
- Chi phí bảo hiểm nước ngoài	10	1,00	100,00
- Chi phí bảo hiểm nội địa	10	1,00	100,00
- Chi phí bảo hiểm nước ngoài	10	1,00	100,00
- Chi phí bảo hiểm nội địa	10	1,00	100,00
- Chi phí bảo hiểm khác	10	1,00	100,00

Nguyễn Thị Kiều

Kiểm toán trưởng

Nguyễn Thị Kiều



Nguyễn Thị Kiều Nguyễn

Vũ Thị Lệ

Nguyễn Thị Kiều

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2010